

Bản án số: 734/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Minh Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Bà Phan Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tố L, sinh năm 1982

Địa chỉ tạm trú: khu phố P, phường T, Quận A, Thành phố H

2. *Bị đơn:* Ông Võ Chí C, sinh năm 1982

Địa chỉ tạm trú: đường L, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Lê Thị Tố L trình bày:

Bà và Ông Võ Chí C có thời gian tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C, tỉnh A cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nay Bà L xác định không còn tình cảm với Ông C, vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên Bà L yêu cầu ly hôn với Ông C.

Về con chung: Vợ chồng Bà L có 01 con chung tên Võ Ngọc Như Y sinh 2012. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì Ông C đi làm công

trình, nơi ở không ổn định, hiện nay Ông C không trực tiếp nuôi con mà giao con cho ông bà nội và chú ở quê nuôi. Trong khi Bà L đang có việc làm và nơi ở ổn định nên Bà L mong muốn được nuôi con. Bà L không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Bị đơn là Ông Võ Chí C trình bày: Ông C thống nhất với trình bày của Bà L về quá trình chung sống. Ông C đồng ý ly hôn với Bà L vì giữa hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay.

Về con chung: Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc Như Y sinh 2012 vì cháu Như Y hiện đang ở với Ông C, Bà L đã bỏ con cho Ông C nuôi từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau. Ông C không yêu cầu Bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với Ông C. Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc Như Y sinh 2012. Bà L không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Võ Chí C có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

+ Về giải quyết nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao con chung tên Võ Ngọc Như Y sinh 2012 cho Bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc Bà L không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con. Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L yêu cầu ly hôn Ông C, nên đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và bị đơn Ông C đang cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là Ông Võ Chí C có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

## 2. Về nội dung:

### [1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C, tỉnh A cấp cho Ông Võ Chí C và Bà Lê Thị Tố L, thì quan hệ hôn nhân giữa Bà L và Ông C là hợp pháp.

Bà L yêu cầu ly hôn với Ông C với lý do cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay.

Ông C cũng đồng ý ly hôn với Bà L. Do đó, Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà L và Ông C.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C, tỉnh A cấp và lời khai của Bà L và Ông C có căn cứ xác định Bà L và Ông C có 01 người con chung là Võ Ngọc Như Y sinh 2012.

Theo lời khai của Bà L và Ông C thì cháu Như Y hiện đang ở với Ông C.

Theo Biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C, tỉnh A có nội dung: “Cháu Võ Ngọc Như Ý hiện đang sống với Ông C nhưng do Ông C đi làm hồ ở Bình Dương nên để cháu Như Y tại nhà cho ông Võ Văn Đ, bà C1 và chú Võ Chí Q trông giữ.....”.

Theo Công văn của Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố H; Kết quả xác minh của Phòng Lao động Thương binh Xã hội Quận 9 và Phòng Văn hóa thông tin Quận 9 có nội dung là không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa Bà L và Ông C và cũng không biết ai là người đang trực tiếp nuôi con.

Xét thấy Ông C làm công trình, không có nơi ở không ổn định, trong thời gian Ông C nuôi cháu Như Y nhưng Ông C không trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con mà giao con cho ông bà nội và chú ở quê nuôi con. Đồng thời, cháu Như Y là cháu gái cần có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Trong khi

đó Bà L có chỗ ở, có việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con, để cháu Như Y phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc Như Y sinh 2012 của Bà L.

Bà L không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của Bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: không có.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tố L được ly hôn với Ông Võ Chí C.

Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C, tỉnh A cấp cho Ông Võ Chí C và Bà Lê Thị Tố L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Tố L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc Như Y sinh 2012. Ông Võ Chí C không cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, Bà Lê Thị Tố L chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án của Chi cục

Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Tố L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- UBND xã Ô, H. C, tỉnh A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Minh Hiếu**